

MẤY SUY NGHĨ VỀ NGUỒN GỐC TÂM LÝ CỦA TÔN GIÁO

Nguyễn Đức Lữ

Viện Nghiên cứu Tôn giáo và Tín ngưỡng, Học viện CTQG Hồ Chí Minh.

Vấn đề ảnh hưởng của yếu tố tâm lý, tình cảm cho sự ra đời của tôn giáo đã được các nhà duy vật cổ đại nghiên cứu từ lâu, rất tiếc ở Việt Nam việc nghiên cứu này còn sơ lược. Dù Mác, Ăngghen và Lênin rất chú ý tới nguồn gốc xã hội của tôn giáo, nhưng các ông cũng không hề phủ nhận nguồn gốc tâm lý của nó. Các nhà kinh điển của học thuyết Mác - Lênin đã không dưới một lần nhắc đến luận điểm “Sự sợ hãi đã tạo nên thần linh”, khi phân tích nguồn gốc tâm lý của tôn giáo.

Tuy con người là sinh vật thượng đẳng trên hành tinh này, nhưng họ luôn có tâm lý bất an bởi những nỗi sợ hãi luôn ám ảnh cuộc sống của mình. Nỗi sợ ấy bao quanh con người như sức mạnh vô hình, đầy huyền bí mà chẳng ai dám quả quyết đến bao giờ sẽ chấm dứt. Sợ hãi trước sức mạnh của tự nhiên và xã hội; sợ hãi trước những hiện tượng ngẫu nhiên, rủi ro, bất thường; sợ hãi trước sinh, lão, bệnh, tử là vấn đề của muôn đời mà không ai lường trước được... Tóm lại, con người là sinh vật đầy bản lĩnh, nhưng lại luôn cảm thấy mỏng manh, yếu ớt trước thiên nhiên bao la, hùng vĩ; trước sự biến động của xã hội và sự chuyển vận của thế cuộc.

Hơn nữa, như Mác đã từng nói, trong một xã hội đầy rẫy bất công, áp bức... là biển khổ, một thế giới không có trái tim thì tôn giáo là trái tim, là tình thân trong xã hội không có tình thân. Tôn giáo là tiếng thở dài của chúng sinh bị áp bức để trút vội nỗi đau chất chứa trong lòng; là bông hoa giá điểm trang cho xiềng xích. Tôn giáo đã vỗ về, an ủi con người khi gặp cảnh cùng đường, nghẽn lối, cô đơn, bất hạnh, tình duyên trắc trở, bệnh tật hiểm nghèo... Gặp phải hoàn cảnh éo le, trắc trở, oan trái... ấy, người ta thường tìm đến tôn giáo để nguôi ngoai, xoa dịu bớt nỗi khổ đau chất chứa trong lòng. Tuy tôn giáo là “hạnh phúc hư ảo”, nhưng con người vẫn cần đến nó chừng nào chưa có hạnh phúc thực sự. Như vậy, từ sợ hãi và bất an người ta cần an ủi, chỗ che và vì thế, tôn giáo trở thành nhu cầu tinh thần của quần chúng có tín ngưỡng.

Lênin viết: “Sự sợ hãi đã tạo ra thần linh... Sợ hãi trước thế lực mù quáng của tư bản, - mù quáng vì quần chúng nhân dân không thể đoán trước

được nó, - là thế lực bất cứ lúc nào trong đời sống của người vô sản và người tiểu chủ, cũng đe dọa đem lại cho họ và đang đem lại cho họ sự phá sản “đột ngột”, “bất ngờ”, “ngẫu nhiên”, làm cho họ phải diệt vong, biến họ thành một người ăn xin, một kẻ bán cùng, một gái điếm, và dồn họ vào cảnh chết đói. đó chính là nguồn gốc sâu xa của tôn giáo hiện đại mà người duy vật phải chú ý trước hết và trên hết, nếu người ấy không muốn cứ mãi mãi là một người duy vật sơ đẳng”⁽¹⁾.

Thế giới hiện đại càng diễn ra những cuộc vật lộn, chà sát, bon chen, chèn lấn... bất chấp đạo lý, bỏ qua nghĩa tình thì con người càng có nhu cầu đến với tôn giáo. Ở đây, con người cảm thấy phần nào rũ bỏ được những bụi bặm của cuộc sống trần tục để tiếp cận với thế giới xa lạ, huyền ảo nhưng thanh cao và đầy hấp dẫn. Trong tác phẩm “Làn sóng thứ ba” nhà tương lai học người Mỹ, Avin Tốp-lơ cho rằng sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, kỹ thuật ngày nay tạo nên một xã hội ồn ào, hối hả, quăng quật, vội vã, ganh đua, chen lấn v.v... người ta tìm đến tôn giáo như tìm đến sự nguôi ngoai, giải khuây, thậm chí phần chấn.

Tôn giáo còn làm giảm bớt nỗi lo sợ của con người trước bệnh tật và cái chết. Nguyên vọng chung của con người là kéo dài sự sống, không ở kiếp này thì ở kiếp sau. Người ta không muốn kết thúc sự tồn tại của mình bằng cái chết thể xác, mấy ai đã có đủ can đảm chuẩn bị đối mặt với cái chết để trở thành cát bụi. Đáp ứng tâm lý ấy, một số tôn giáo đã hứa hẹn một thế giới huy hoàng, đẹp đẽ, thánh thiện và vĩnh hằng sau cái chết. Chính điều này đã giúp cho con người chấp nhận cái chết thể xác một cách nhẹ nhàng, thanh thản hơn.

Đứng trước cái chết, có người đã nghĩ đến việc thủ tiêu nó trong xã hội tương lai, ước vọng đó là ảo tưởng, người ta có thể thanh toán bệnh tật này phòng ngừa những hiểm hoạ khác để kéo dài chu kỳ sống, còn bất tử về thể xác chắc là không thể. Chỉ có thể đáp ứng nhu cầu bất tử của con người bằng cách thiết lập một thế giới kế tiếp, sau thế giới hiện tồn. Điều này, chỉ tôn giáo làm được bằng cách hứa hẹn một thế giới tốt đẹp ở bên kia mà chẳng ai có thể chứng minh được là có hay không: “Sự sợ hãi là nguồn gốc của tất cả: sự sợ huyền bí, sợ thất bại, sợ chết”⁽²⁾ và sự sợ hãi trở thành nền móng của tôn giáo.

Như vậy, từ sợ hãi về bệnh tật, chết chóc; sợ hãi về rủi ro, bất hạnh; sợ hãi về thất bại, sa ngã... dẫn đến con người có nhu cầu về sự chở che, giúp đỡ của các thế lực siêu nhiên nhằm để bù đắp và giữ thăng bằng trong cuộc sống hiện hữu.

Thực ra, không phải chỉ có những tình cảm tiêu cực như sự sợ hãi, thất vọng và phụ thuộc... mới hình thành và nuôi dưỡng niềm tin tôn giáo, mà ngay cả những tình cảm tích cực như: sự thoả mãn, lòng kính trọng, biết ơn... kể cả những ước vọng của con người vươn tới chân, thiện, mỹ cũng khuyến khích

người ta tìm đến những điều ấy ở tôn giáo. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, thờ những người có công với dân, với Tổ quốc mà Nghị quyết số 25 của Ban Chấp hành Trung ương lần thứ Bảy khoá IX đã thừa nhận, chắc chắn không phải xuất phát từ sự sợ hãi mà là sự kính trọng.

Tôn giáo không chỉ đáp ứng nhu cầu bù đắp những hẫng hụt của cuộc sống, sự trống vắng trong tâm hồn, an ủi, vỗ về, nâng đỡ khi sa cơ lỡ vận, mà còn đáp ứng nhu cầu mang tính nhân văn của con người là vươn lên tiếp cận với cái thiêng liêng cao cả, hoàn mỹ. Con người luôn có nhu cầu về “cái thiêng” - thiêng tâm linh và thiêng văn hoá.

C. Mác cũng thừa nhận rằng, tôn giáo đã được vun trồng và làm cho thiêng liêng từ xa xưa đến nỗi cả những người từ lâu không tin vào một vị Chúa được nhân cách hoá hoặc một đấng tối cao nào đó duy trì loài người, cũng không muốn sống mà không có tôn giáo.

Nhu cầu vật chất như ăn, mặc, ở... được đặt ra như điều kiện đầu tiên để con người tồn tại. Song, con người không chỉ cần có vậy, đáp ứng những nhu cầu ấy chưa phải là đủ mà con người thực sự là con người, không thể chỉ bó hẹp ở việc đáp ứng nhu cầu vật chất. Hình như, khi xã hội càng phát triển thì việc thoả mãn nhu cầu tinh thần, trong đó có hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo càng được đặt ra một cách cấp thiết. Tôn giáo là một trong những nhu cầu tâm linh, nó có khả năng giữ vai trò thăng bằng trạng thái tinh thần của con người. Đến với tôn giáo không hẳn là người ta trốn chạy thực tại, mà có lẽ quan trọng hơn là người ta tìm thấy ở đây sự yên tĩnh trong tâm hồn, sự thăng bằng về tình cảm, sự đồng cảm, sẻ chia tâm tư nguyện vọng với cộng đồng và cả với những lực lượng siêu nhiên.

Một số tác giả cho rằng, tôn giáo thể hiện mối quan hệ giữa cái thiêng và cái tục, giữa đạo và đời, giữa con người và thần linh, trong đó có những mối quan hệ “ảo”. Người ta hướng đến cái thiêng với hai thái độ: Thái độ thứ nhất là sự kính trọng và biết ơn mà đối tượng kính trọng và biết ơn ấy càng cụ thể thì thái độ và hành vi biết ơn cũng càng cụ thể và thiết thực. Ví dụ như: xây nhà tình nghĩa; tôn vinh, phụng dưỡng, tặng quà bà mẹ Việt Nam anh hùng - những hành vi mang tính thế tục. Nếu đối tượng kính trọng và biết ơn lại càng xa cách, trừu tượng thì hành vi biểu hiện ấy lại càng mang tính tượng trưng, ước lệ, hư ảo và những nghi lễ mang tính biểu trưng. Thờ Mẫu, thờ Anh hùng dân tộc, tôn thờ các vị giáo chủ, thờ trời... là những ví dụ.

Thái độ thứ hai là sự sợ hãi trước sức mạnh đầy bí ẩn mà con người không kiểm soát được. Từ sự sợ hãi có nhu cầu chừa che, chừa ngợ, né tránh và triệt tiêu, nghĩa là một phản ứng chống trả nỗi sợ hãi một cách thụ động qua những hành vi tôn giáo.

Xét cho cùng, trong thái độ đối với cái thiêng thân bí, vừa có sự kính trọng; lại vừa có sự sợ hãi, song sự sợ hãi vẫn chiếm ưu thế. Những mặc cảm về tội lỗi, sự trừng phạt, nỗi bất hạnh rui ro nặng nề và đeo đuổi con người hơn là tia hy vọng mỏng manh về nơi thiên đường, cõi cực lạc. Việc cầu khẩn về sự chở che, tha thứ đối với con người có tín ngưỡng luôn luôn được lưu tâm. Tôn giáo nảy sinh từ sự sợ hãi, một mặt nó phần nào làm giảm nỗi sợ ám ảnh con người, nhưng mặt khác cũng chính nó lại làm tăng thêm sự sợ hãi chứ không làm mất đi. Từ Do Thái giáo đến Ấn Độ giáo, từ Thiên Chúa giáo đến Phật giáo, từ Cao Đài đến Hoà Hảo đều đe dọa và dạy con người phải biết sợ. Về mặt nào đó, làm cho con người biết sợ hãi đã trở thành cái chốt hãm an toàn ngăn chặn được những dục vọng, đam mê thái quá của con người trước biết bao cám dỗ của cuộc sống đời thường mà con người cần vượt qua.

Con người ở xã hội hiện đại, đang chứng kiến sự phát triển như vũ bão của khoa học - công nghệ, nhưng lại đang ám ảnh bởi nỗi sợ trước sự phát triển của nó. Khoa học - công nghệ mới đã khẳng định vị thế của con người, nhưng cũng đã gây cho nhân loại cảm giác bị lệ thuộc và nô lệ vào nó. Thực sự, đây quả là nỗi lo sợ của con người thời hiện đại. Sự sợ hãi hiểm hoạ của vũ khí hạt nhân chưa qua đi; thì sự phát triển của khoa học - công nghệ lại đặt ra cho con người lo sợ bởi những hiểm hoạ của môi sinh suy thoái. Bệnh tật cũ chưa khắc phục được thì bệnh tật mới lại nảy sinh.

Khi khoa học phát triển, con người tưởng rằng có thể khắc phục được những bất hạnh do tự nhiên gây nên, nhưng thực tế sự biến động xấu về môi trường sống đang là nỗi lo lớn không của riêng ai. Khi tìm ra năng lượng hạt nhân thì chiến tranh huỷ diệt lại bao trùm thế giới, tạo cho con người những cảm giác lo sợ và bất lực mới. Loài người trở nên bị đe dọa bởi những sáng tạo của chính mình, con người trở thành nô lệ của sản phẩm của mình. Khi chưa loại bỏ hết được nỗi lo sợ của chiến tranh huỷ diệt, thì cuộc sống kỹ thuật cao lại gây những tâm trạng bất an một cách liên tục hơn. Bởi lẽ nó tước đoạt đi của con người ý thức về sự thành đạt. Con người hiện đại luôn phải đối phó, học hỏi, chạy theo kỹ thuật mới. Con người mất ý thức vững chắc về làm chủ môi trường tự nhiên và xã hội. Cái cảm giác bị chính những cái mà mình tạo ra kiểm soát lại mình và ngày càng lệ thuộc vào chúng trở nên phổ biến: "Môi trường mới, điều kiện mới lại đe dọa con người khiến cho họ cảm thấy thấp kém, thậm chí ngu dốt hơn trước. Chỉ cần một bộ phận trong hệ thống kỹ thuật không hoạt động là lập tức cuộc sống của con người bị tê liệt. Những vấn đề đó có thể là nhân tố dẫn đến khuynh hướng chạy theo tôn giáo và sự hình thành những tín ngưỡng mới"⁽³⁾.

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường với xu thế toàn cầu hoá hiện nay con người luôn chịu sự tác động bởi yếu tố ngẫu nhiên, may rủi thất thường, đang sợ hãi trước thế lực mù quáng, xa lạ sẵn sàng dội xuống đầu bất kì ai -

nhất là đối với quần chúng nhân dân lao động. Đây là một trong những lý do cho sự hồi sinh và phát triển tôn giáo hiện nay.

Tôn giáo còn đáp ứng khát vọng của con người về một xã hội bình đẳng giữa người và người, mong muốn xóa bỏ ranh giới và khoảng cách chênh lệch về kinh tế, chính trị, xã hội v.v... Cộng đồng cùng tín ngưỡng đã xoá bỏ - một cách ảo tưởng - khoảng cách ấy, để con người bình đẳng trước Chúa, trước Phật. Phải chăng, đây là dấu hiệu đầu tiên mà con người yêu cầu về bình đẳng xã hội, vì từ sự bình đẳng trước Chúa sẽ rút ra bình đẳng giữa các công dân.

Vấn đề nguồn gốc tâm lý của tôn giáo là vấn đề lớn, ở đây tác giả chỉ xin mạn phép đưa ra mấy suy nghĩ bước đầu. Hy vọng, trong tương lai gần các nhà tâm lý học Việt Nam sẽ đầu tư hơn nữa về lĩnh vực này nhằm làm rõ hơn nguồn gốc tâm lý của tôn giáo theo quan điểm Mác - xít.

Chú thích

1. Lênin. *Toàn tập*, tập 17. NXB Tiến Bộ, M., 1979, tr. 515 - 516.
2. Xem trong cuốn "*Tại sao tôi không theo đạo Kitô*" của Bertrand Russell - người được giải thưởng Nô Ben văn chương năm 1950.
3. Xem trong tạp chí "Thể thao và văn hoá", ngày 23 - 12 - 1995.